

Bản án số: **68/2021/HS-ST**

Ngày: 20-9-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU - TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Trinh**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Huỳnh Thị Lệ** – Ông **Nguyễn Văn Dũng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Tuyền** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Mạnh Hùng** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 77/2021/TLST-HS ngày 22 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2021/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 9 năm 2021 đối với bị cáo:

Lê Văn S - Sinh ngày 28.8.1985 tại Đà Nẵng; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ 49, phường N, quận L, TP Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Văn T (sinh năm 1969) và bà Nguyễn Thị B (sinh năm 1967); Vợ: Huỳnh Thị T (sinh năm 1987) và 02 con (sinh năm 2008 và năm 2010).

Tiền án:

- Ngày 05/6/2013, bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xử phạt 24 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 19/2013/HSST.

- Ngày 27/9/2016, bị Tòa án nhân dân TP Đà Nẵng xử phạt 05 năm tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 211/2016/HSPT. Chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 30.4.2020.

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 20.8.2015 bị Công an quận T, TP Đà Nẵng xử phạt hành chính 1.000.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản theo Quyết định số 183/QĐ-XPHC. Chấp hành nộp phạt xong ngày 14.9.2015.

- Ngày 30.6.2021 bị Công an quận L, TP Đà Nẵng xử phạt hành chính 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định số 28a/QĐ-XPVPHC.

Bị bắt, tạm giữ từ ngày 03.02.2021, sau đó chuyển tạm giam. Có mặt.

- *Người bị hại:*

1. Bà Trần Thị H – sinh năm 1978; trú tại: Số 113/33 đường H, tổ 48, phường H, quận L, TP Đà Nẵng. Vắng mặt.

2. Ông Lê Đình K – sinh năm 1983; trú tại: Tổ 69 đường T, phường B, quận L, TP Đà Nẵng. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Nguyễn Đăng Đ – sinh năm: 1973; trú tại: Số 113/33 đường H, tổ 48, phường H, quận L, TP Đà Nẵng. Vắng mặt.

2. Ông Phạm Thanh P – sinh năm: 1983; trú tại: Số 220 đường N, phường B, quận L, TP Đà Nẵng. Vắng mặt.

3. Ông Phạm Tấn T – sinh năm: 1973; trú tại: Số 26B đường B, phường N, quận L, TP Đà Nẵng. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Văn B – sinh năm: 1987; trú tại: K44/15 đường C, phường B, quận L, TP Đà Nẵng. Vắng mặt.

2. Ông Trương Văn L – sinh năm: 1990; trú tại: K178/37 đường H, phường H, quận L, TP Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 55 phút ngày 03.02.2021, tại trước số nhà 166 đường M, phường H, quận L, TP. Đà Nẵng, Công an phường H, quận L, TP Đà Nẵng tiến hành kiểm tra hành chính, phát hiện bắt quả tang Lê Văn S đang tàng trữ trái phép chất ma túy. Tang vật thu giữ của S: 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đỏ; 01 gói nilong bên trong có chứa chất ma túy đá (kí hiệu A), đã được niêm phong theo quy định (được bỏ trong ví da, để trong túi quần sau của S); 01 xe mô tô hiệu Honda Dream biển kiểm soát 43K9- 0470; 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy mang tên Phạm Tấn T; 01 chum chìa khóa có bốn chìa khóa; 01 giấy biên nhận dịch vụ cầm đồ; Tiền Việt Nam: 1.280.000 đồng.

* Theo bản kết luận giám định số 185/C09C-Đ2 ngày 05.02.2021 của Phân viện Khoa học hình sự của Bộ Công an tại thành phố Đà Nẵng kết luận: Chất tinh thể màu trắng trong phong bì niêm phong ký hiệu A gửi giám định là chất ma túy loại Methamphetamine khối lượng là 2,05 gam.

* Theo Kết luận số: 13/KL-HĐĐG ngày 05.02.2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng – UBND quận L, kết luận: giá trị còn lại của 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển kiểm soát 43F1- 165.20 là 10.000.000 đồng.

* Theo Bản kết luận giám định số 69/GĐ-TL, biển kiểm soát ngày 09.6.2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an TP. Đà Nẵng có kết luận: “Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” cần giám định ký hiệu A1 là thật; mảnh biển kiểm soát

43-F1 cần giám định ký hiệu A2 là thật; mảnh biển kiểm soát dãy số 305.48 cần giám định ký hiệu A3 là giả.

Qua điều tra, từ lời khai của Lê Văn S và các vật chứng thu được, các kết luận giám định, kết luận định giá xác định:

Khoảng 07 giờ 00 phút ngày 03.02.2021, Lê Văn S điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 43K9-0470 đi đến tiệm sửa xe tại K138/37 đường H, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng của anh Trương Văn L (sinh năm 1990) tại để sửa xe, anh L nói sửa hết 200.000 đồng nhưng S không có đủ tiền sửa xe nên điều khiển xe lên khu vực chợ H trên đường Mẹ Suốt, phường H, quận L, TP. Đà Nẵng để mua thức ăn. Khi đến khu vực công chợ, S phát hiện xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đỏ biển kiểm soát 43F1- 165.20 của chị Trần Thị H (sinh năm 1978, trú: tổ 48, phường H, quận L) đang dựng trước công chợ nhưng không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô này để cầm cố lấy tiền tiêu xài. S điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 43K9-0470 về giao cho anh L để sửa rồi đi bộ lại chợ H. Đến nơi, S sử dụng chìa khóa xe máy của mình mở khóa xe mô tô biển kiểm soát 43F1- 165.20 rồi nổ máy điều khiển xe về nơi ở của S tại phường N, quận L, TP. Đà Nẵng cất giấu. Sau đó, S tháo biển kiểm soát 43F1- 165.20 đem vứt bỏ rồi lấy biển số xe 43F1- 305.48 tại nhà của S lắp vào và lấy giấy đăng ký xe mô tô số 013082 cấp ngày 09.12.2016 của xe mô tô BKS 43F1- 305.48 mang tên Phạm Tấn T (giấy đăng ký và biển kiểm soát giả này S được một người tên là T1 không rõ lai lịch cho từ trước đó) rồi đem đến tiệm cầm đồ Gold tại 218 đường N, phường B, quận L do anh Lê Đình K làm chủ với mục đích làm cho anh K tin đây là xe của S để cầm cố lấy tiền tiêu xài. Khi gặp anh K, S nói chiếc xe này là của mình và đưa giấy đăng ký xe cho anh K xem. Sau khi kiểm tra giấy tờ thấy phù hợp với phương tiện, anh K tin rằng S là chủ phương tiện này nên đã đồng ý cho S cầm cố giá 3.000.000 đồng và anh K viết cho S một biên nhận cầm đồ ghi tên người thế chấp là Phạm Tấn T. Sau đó, S lấy tiền này đi mua ma túy của người tên C (Chưa xác định nhân thân, lai lịch) tại khu vực phường N, quận L về sử dụng và bị bắt quả tang như đã nêu trên. Tại Cơ quan điều tra, Lê Văn S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Cáo trạng số 76/CT-VKS, ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng đã truy tố Lê Văn S về các tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” “Trộm cắp tài sản” “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249; điểm b, g khoản 2 Điều 173; điểm d khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng giữ nguyên toàn bộ nội dung bản cáo trạng đã truy tố, đồng thời căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo Lê Văn S, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù.

Áp dụng khoản 2 Điều 35; khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự phạt bổ sung số tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

- Áp dụng điểm b, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 174; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo Lê Văn S phải chấp hành từ 10 năm đến 11 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Trần Thị H đã nhận lại được tài sản và không yêu cầu bồi thường; bị hại Lê Đình K đã được bị cáo tác động gia đình bồi thường số tiền 3.000.000 đồng và không có yêu cầu gì thêm nên không đề cập xem xét.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- Tịch thu tiêu huỷ toàn bộ ma túy còn lại sau giám định đã được niêm phong; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Phạm Tấn T; 01 biển kiểm soát 43F1-305.48 và 01 chùm chìa khóa có 04 chìa khóa;

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 1.280.000 đồng liên quan đến hành vi phạm tội.

- Quy trữ tại hồ sơ vụ án 01 giấy biên nhận dịch vụ cầm đồ.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Lê Văn S đã thành khẩn, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Bị cáo xác nhận cáo trạng truy tố bị cáo về các tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” “Trộm cắp tài sản” “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249; điểm b, g khoản 2 Điều 173; điểm d khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội. Bị cáo thấy được hành vi phạm tội, ăn năn hối cải, mong muốn HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các hành vi và quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo Lê Văn S và người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Xét lời khai nhận tội của bị cáo Lê Văn S trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác mà Cơ quan điều tra đã thu thập có tại hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định:

Khoảng 16 giờ 55 phút ngày 03.02.2021, tại trước số nhà 166 đường M, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, Công an phường H, quận L tiến hành kiểm

tra hành chính, phát hiện bắt quả tang Lê Văn S đang tàng trữ 2,05 gam ma túy loại Methamphetamine với mục đích sử dụng cá nhân.

Để có tiền mua ma túy sử dụng, trước đó vào khoảng 07 giờ 00 ngày 03/2/2021, tại khu vực chợ H, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, lợi dụng chỉ Trần Thị H vào trong chợ, Lê Văn S đã lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển kiểm soát 43F1- 165.20. Giá trị của tài sản bị chiếm đoạt là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Sau đó, Lê Văn S gắn biển kiểm soát 43F1- 305.48 (giả) vào xe mô tô mà S trộm cắp được; sử dụng giấy đăng ký xe mô tô số 013082 cấp ngày 09.12.2016 của xe mô tô biển kiểm soát 43F1- 305.48 mang tên Phạm Tấn T (Giấy đăng ký thật do người thanh niên tên Tứ cho S) và tự xưng là Phạm Tấn T làm anh Lê Đình K (chủ hiệu cầm đồ) tin tưởng, đồng ý cầm xe mô tô, chiếm đoạt số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

Tại Bản án số 211/2016/HSST ngày 27.9.2016 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng áp dụng tình tiết tăng nặng “Tái phạm” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 để xử phạt Lê Văn S về tội Trộm cắp tài sản, chưa được xoá án tích nay S tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, hành vi trên đây của Lê Văn S đã phạm vào tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” “Trộm cắp tài sản”, “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với tình tiết định khung “Tái phạm nguy hiểm”.

Đồng thời tại Bản án nêu trên đã áp dụng tình tiết định khung “Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 để xử phạt Lê Văn S, chưa được xoá án tích nay S tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Do đó, hành vi trộm cắp tài sản lần này của S đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung “Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp”.

Vì vậy, hành vi nêu trên của bị cáo Lê Văn S đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” “Trộm cắp tài sản” “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249; điểm b, g khoản 2 Điều 173; điểm d khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự như bản Cáo trạng số 76/CT-VKS, ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Về tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Ma túy là chất gây nghiện, ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người, là một trong những nguyên nhân gây ra các tệ nạn xã hội và nhiều loại hình tội phạm khác nên bị pháp luật nghiêm cấm. Bản thân bị cáo Nguyễn Văn S nhận thức được tác hại của ma túy và đường lối xử lý của Nhà nước đối với tội phạm về ma túy nhưng vẫn cố ý phạm tội, tội phạm bị cáo thực hiện là nghiêm trọng.

Ngoài ra, bị cáo Lê Văn S nhiều lần bị xử lý hình sự về hành vi trộm cắp tài sản nhưng do lười nhác lao động, thiếu tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, muốn có tiền tiêu xài thỏa mãn nhu cầu cá nhân nên đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản của người khác, là một trong các quyền quan trọng được pháp

luật bảo vệ, gây bất bình, hoang mang, lo lắng cho nhân dân, ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương nên cần phải xử lý nghiêm.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và hình phạt đối với bị cáo:

Bị cáo Lê Văn S không có không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

HĐXX xét thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; đối với hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản thì giá trị tài sản chiếm đoạt là 3.000.000 đồng nên gây thiệt hại không lớn, người bị hại Lê Đình K đã được bị cáo tác động gia đình bồi thường số tiền bị chiếm đoạt và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét mức hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

Bị cáo Lê Văn S có nhân thân xấu: Ngày 20.8.2015 bị Công an quận T, TP Đà Nẵng xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản. Ngày 30.6.2021 bị Công an quận L, TP Đà Nẵng xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân của bị cáo, HĐXX xét thấy cần phải cách ly ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có điều kiện cải tạo dưới sự giám sát của pháp luật mới đảm bảo tính răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung đối với xã hội.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay, người bị hại Trần Thị H và Lê Đình K vắng mặt nhưng hồ sơ vụ án thể hiện bị hại Trần Thị H đã nhận lại được tài sản và không yêu cầu bồi thường; bị hại Lê Đình K đã được bị cáo tác động gia đình bồi thường số tiền 3.000.000 đồng và không có yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Ngày 06.4.2021, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 29/CSĐT trả lại tài sản cho anh Nguyễn Đăng Đ (Chồng chị Trần Thị H) 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha loại Sirius màu đỏ. Việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận L xử lý như vậy là có căn cứ nên HĐXX không xem xét.

- Đối với toàn bộ chất ma túy còn lại sau giám định đã được niêm phong là vật thuộc loại Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu để tiêu hủy.

- Đối với 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô biển kiểm soát 43F1- 305.48 mang tên Phạm Tấn T (do anh T làm mất và hiện nay anh T đã làm lại giấy chứng nhận vào tháng 09/2020); 01 biển kiểm soát 43F1- 305.48; 01 chùm chìa khóa có bốn chìa khóa không còn giá trị sử dụng nên cần phải tuyên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền 1.280.000 đồng do phạm tội mà có nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước là phù hợp.

- Đối với 01 giấy biên nhận dịch vụ cầm đồ cần quy trữ tại hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 xe mô tô hiệu Honda Dream biển kiểm soát 43K9- 0470: Lê Văn S khai nhận mua xe này từ người thanh niên không rõ lai lịch và không có giấy

tờ mua bán. Qua xác minh, xe mô tô này do anh Từ Văn T2, trú tại đường H, phường H, quận S, TP. Đà Nẵng đứng tên chủ sở hữu. Hiện cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận L vẫn chưa làm việc được với anh T2. Do đó, Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ xác minh xử lý sau là có căn cứ.

[7] Trong vụ án này, đối tượng tên C đã bán ma túy cho S, T1 người đã cho S giấy đăng ký xe và biển kiểm soát 43F1-305.48 hiện vẫn chưa xác định được nhân thân lai lịch, Cơ quan Điều tra tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau là phù hợp.

[8] Xét thấy, bị cáo Lê Văn S có tài sản riêng nên HĐXX quyết định áp dụng khoản 2 Điều 35, khoản 5 Điều 249 để phạt bổ sung.

[9] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Lê Văn S** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” “Trộm cắp tài sản” “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Căn cứ vào: Điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Lê Văn S **05 (năm) năm** tù.

Áp dụng khoản 2 Điều 35, khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự phạt bổ sung bị cáo Lê Văn S số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

- Căn cứ vào: Điểm b, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Lê Văn S **03 (ba) năm** tù.

- Căn cứ vào: Điểm d khoản 2 Điều 174; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Lê Văn S **02 (hai) năm** tù.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt của ba tội buộc bị cáo Lê Văn S phải chấp hành là **10 (mười) năm** tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03.02.2021.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên:

2.1 Tịch thu tiêu hủy: Toàn bộ chất ma túy còn lại sau giám định đã được niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Đà Nẵng; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Phạm Tấn T; 01 biển kiểm soát 43F1-305.48 và 01 chùm chìa khóa có 04 chìa khóa;

2.2 Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 1.280.000 đồng (Một triệu hai trăm tám mươi ngàn đồng).

(Toàn bộ vật chứng trên đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận L theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 17 tháng 9 năm 2021 giữa Chi cục Thi hành án dân sự quận L và Công an quận L).

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Lê Văn S phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; riêng những người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Đà Nẵng;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Công an quận Liên Chiểu;
- Chi cục THADS quận Liên Chiểu;
- Nhà tạm giữ công an quận Liên Chiểu;
- Sở tư pháp TP Đà Nẵng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Trinh